

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – ĐẮK LẮK**

Bản án số: 04/2026/DS-ST
Ngày 28 tháng 01 năm 2026
“ Về việc tranh chấp hợp đồng
vay tài sản (Kiện đòi tài sản)”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Ánh Sửu, ông Bùi Hoàng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ksor Y Kơ - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2025/TLST- DS ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 12 năm 2025 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2026/QĐST – DS ngày 19 tháng 01 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1964; CCCD số: 0341.6400.8747, ngày cấp 29 tháng 9 năm 2024 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm 3, Thôn 1, xã Krông A, tỉnh Đắk Lắk (Xóm 3, Thôn 1, thị trấn Buôn T, huyện Krông A, tỉnh Đắk Lắk).

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Bà Mai Thị Linh N; Sinh năm 2002; CCCD số: 0673.0200.5267, ngày cấp 12 tháng 8 năm 2021 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã Cư J, tỉnh Lâm Đồng (Thôn 3, xã Trúc S, huyện Cư J, tỉnh Đắk Nông).

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 80, đường Hai Bà T, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Đào Hoàng A; Sinh năm 2001; CCCD số: 0332.0101.0341, ngày cấp 13 tháng 3 năm 2023 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, phường Tân L, tỉnh Đắk Lắk (Thôn 8, xã Hòa T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 80, đường Hai Bà T, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Ma Đa M; Sinh năm 1986; CMND số: 240.979.704, ngày cấp 16 tháng 7 năm 2015 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 6A, xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk (Thôn 6, xã Ea R, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn (Người đại diện của nguyên đơn) trình bày tóm tắt:

Vì quen biết nhau nên ngày 02/09/2017, bà H đã cho ông Ma Đa M vay với tổng số tiền là 160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*), có Giấy nhận tiền do ông Ma Đa M viết và ký (Có bà Đặng Thị Thùy C là người làm chứng). Ông M hẹn đến ngày 04/11/2017 thanh toán đầy đủ cho bà H số tiền nêu trên.

Do tin tưởng nên các bên không có giấy tờ hay tài sản thế chấp, mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói với nhau về lãi suất 10%/năm. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ mà ông M không trả lãi và gốc như thỏa thuận. Mặc dù bà H đã nhiều lần liên lạc, yêu cầu ông M thanh toán nhưng ông M vẫn không chịu trả. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu ông M trả số tiền 285.895.890đ (Trong đó: Gốc 160.000.000đ, lãi suất phát sinh tạm tính từ ngày 02 tháng 09 năm 2017 đến ngày 14 tháng 7 năm 2025 là 125.895.890đ).

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần nội dung đơn khởi kiện, cụ thể nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 160.000.000đ, không yêu cầu bị đơn trả tất cả các khoản tiền lãi suất.

Ông Ma Đa M vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến:

Tại Giấy nhận tiền đề ngày 02 tháng 09 năm 2017 có nội dung tóm tắt:

Ông Ma Đa M nhận của bà Nguyễn Thị H số tiền 160.000.000đ. Hẹn ngày 04 tháng 11 năm 2017 trả.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Bị đơn triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 26; 35; 39; 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; các điều 235; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 155; 429; 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự; Điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán – Tòa án nhân dân Tối cao. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông M trả cho bà H số tiền gốc là 160.000.000đ. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc ông M trả lãi suất mức 10%/năm/số tiền cho vay, tạm tính từ ngày 02 tháng 09 năm 2017 đến ngày 14 tháng 7 năm 2025 là 125.895.890đ.

Về án phí: Ông M phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà H là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Bà H khởi kiện yêu cầu ông M trả số tiền đã vay. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Bà H làm đơn khởi kiện và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Khi thụ lý, ông M có hộ khẩu thường trú tại xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35, 39 và khoản 3 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải, nhưng không hòa giải được. Ông M được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2. Vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

[3.1] *Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc ông M trả số tiền gốc là 160.000.000đ, thì Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng:*

Tại Giấy nhận tiền thể hiện ông Ma Đa M nhận của bà Nguyễn Thị H số tiền 160.000.000đ. Hẹn ngày 04 tháng 11 năm 2017 trả.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ (Thông qua Thừa phát lại) các văn bản tố tụng cho ông Ma Đa S là người nhà của ông Ma Đa M. Ông S cam kết giao lại cho ông M theo quy định của pháp luật.

Như vậy sau khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án, ông M đã biết về việc bà H khởi kiện yêu cầu ông trả nợ, nhưng ông M không có ý kiến phản hồi, do vậy xác định ông M có vay của bà H số tiền 160.000.000đ, nhưng chưa trả và đến nay đã quá hạn trả nợ.

Tuy thời hiệu khởi kiện về hợp đồng đã quá 03 theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự, nhưng bà H khởi kiện yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu (Kiện đòi tài sản) nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 155 của Bộ luật dân sự và được hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán – Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó bà H khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H và chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, buộc ông M trả cho bà H số tiền gốc là 160.000.000đ.

[3.2] *Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc ông M trả lãi suất mức 10%/năm/số tiền cho vay tạm tính từ ngày 02 tháng 09 năm 2017 đến ngày 14 tháng 7 năm 2025 là 125.895.890đ, thì Hội đồng xét xử thấy rằng:*

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút toàn bộ nội dung đối với yêu cầu khởi kiện này và xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái với quy định của pháp luật và không vi phạm đạo đức xã hội. Do đó Tòa án áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[4]. Về án phí:

Vì yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc ông M trả số tiền gốc là 160.000.000đ được Tòa án chấp nhận nên ông M phải chịu án phí đối với tranh chấp dân sự có giá ngạch là 160.000.000đ, được tính như sau ($160.000.000đ \times 5\% = 8.000.000đ$).

Do bà H là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và án phí cho nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; các điều 235; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 155; 429; 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán – Tòa án nhân dân Tối cao.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc buộc ông Ma Đa M trả số tiền gốc là 160.000.000đ.*

Buộc ông Ma Đa M phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 160.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. *Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc buộc ông Ma Đa M trả lãi suất với mức 10%/năm/số tiền cho vay tạm tính từ ngày 02 tháng 09 năm 2017 đến ngày 14 tháng 7 năm 2025 là 125.895.890đ.*

3. *Về án phí:* Ông Ma Đa M phải chịu 8.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền và thời hạn kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 9. Đắk Lắk;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Dũng